

Số: /QĐ-UBND

Lạng Sơn, ngày tháng 7 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc phê duyệt thiết kế kỹ thuật, dự toán**  
**trồng rừng sản xuất năm 2020 huyện Đình Lập**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017;*

*Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;*

*Căn cứ Thông tư số 29/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về các biện pháp lâm sinh;*

*Căn cứ Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung quản lý đầu tư công trình lâm sinh;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Báo cáo thẩm định số 216/BC-SNN ngày 22/6/2020.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt thiết kế kỹ thuật, dự toán trồng rừng sản xuất năm 2020 huyện Đình Lập, với các nội dung như sau:

1. Tên công trình, chủ đầu tư, hình thức đầu tư:
  - a) Tên công trình: Trồng rừng sản xuất năm 2020 huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn.
  - b) Chủ đầu tư: UBND huyện Đình Lập.
  - c) Hình thức đầu tư: Đầu tư công.
2. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn thôn Nà Van, xã Châu Sơn, huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn.
3. Mục tiêu đầu tư: Trồng mới rừng sản xuất trên diện tích đất hiện trạng là đất trống, đồi núi trọc, nhằm tạo việc làm cho các hộ gia đình, góp phần cải thiện môi trường, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống người dân, phát huy tính bền vững trong hoạt động sản xuất lâm nghiệp tại địa phương.
4. Nội dung và quy mô đầu tư:
  - Thực hiện trồng mới rừng sản xuất với diện tích là 50,0 ha tại xã Châu Sơn, huyện Đình Lập. Chi tiết về vị trí theo lô, khoảnh, tiểu khu tại Biểu kèm theo Quyết định này.

- Loài cây trồng: Keo.
- Phương thức trồng: Trồng thuần loài.
- Mật độ trồng: 1.660 cây/ha. Cự ly trồng: cây cách cây 2,0m, hàng cách hàng 3,0m.
- Thời vụ trồng: Vụ Xuân - Hè.

5. Tổng dự toán: 400.000.000 đồng (*bằng chữ: Bốn trăm triệu đồng chẵn*), cụ thể:

| TT         | Hạng mục  | Mức đầu tư (đồng/ha) | Khối lượng (ha) | Thành tiền (đồng)  |
|------------|---|----------------------|-----------------|--------------------|
|            | <b>Tổng (I + II + III)</b>                            |                      |                 | <b>400.000.000</b> |
| <b>I</b>   | <b>Chi phí lâm sinh</b>                               | <b>7.000.000</b>     | <b>50,0</b>     | <b>350.000.000</b> |
| 1          | Chi phí nhân công trồng rừng, chăm sóc năm trồng      | 4.061.600            | 50,0            | 203.080.000        |
| 2          | Chi phí cây con                                       | 1.826.000            | 50,0            | 91.300.000         |
| -          | Cây trồng chính (1.660 cây/ha x 1.000đ)               | 1.660.000            | 50,0            | 83.000.000         |
| -          | Cây trồng dặm (166 cây/ha x 1.000đ)                   | 166.000              | 50,0            | 8.300.000          |
| 3          | Chi phí phân bón (bón lót: 0,1 kg/hố x 6.400 đồng/kg) | 1.062.400            | 50,0            | 53.120.000         |
| 4          | Thảm định thiết kế                                    | 50.000               | 50,0            | 2.500.000          |
| <b>II</b>  | <b>Chi phí thiết kế</b>                               | <b>300.000</b>       | <b>50,0</b>     | <b>15.000.000</b>  |
| <b>III</b> | <b>Chi phí quản lý (10% lâm sinh)</b>                 |                      |                 | <b>35.000.000</b>  |
|            | Cấp tỉnh (1%)   |                      |                 | 3.500.000          |
|            | Cấp huyện (0,5%)                                      |                      |                 | 1.750.000          |
|            | Cấp xã (0,5%)   |                      |                 | 1.750.000          |
|            | Chủ đầu tư (8%, trong đó Ban phát triển rừng thôn 1%) |                      |                 | 28.000.000         |

6. Nguồn vốn đầu tư: ngân sách Nhà nước.

7. Thời gian thực hiện: năm 2020.

**Điều 2.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và **Phát triển nông thôn**, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Kho Bạc Nhà nước tỉnh, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm, Chủ tịch UBND huyện Đình Lập và các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành **Quyết định** này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 2;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Sở: TN&MT, KH&CN;
- C, PVP UBND tỉnh, các phòng CM, TT TH-CB, PVHCC;
- Lưu: VT, KT(PVĐ).

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Hồ Tiến Thiệu**